

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	09 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Top One (sau đây gọi tắt là "Công ty") trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Phân Phối Top One (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 11 tháng 03 năm 2013 và thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 09 năm 2025 do Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính Tỉnh Tuyên Quang cấp.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty là công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Bán buôn tổng hợp

Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào

Tên tiếng anh: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: TOP ONE., JSC

Mã chứng khoán: TOP (Đăng ký giao dịch UpCom)

Trụ sở chính: Thôn 19, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông	Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông	Vũ Văn Thuận	Thành viên độc lập

Ủy ban Kiểm toán

Ông	Vũ Văn Thuận	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 18/06/2026)
Bà	Đinh Thị Minh Thuận	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Nguyễn Ngọc Dưỡng	Chủ tịch HĐQT
Ông	Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (“Moore AISC”) đã được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi cơ sở này không còn thích hợp.
- Công bố danh tính của các bên liên quan của Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã phát sinh đầy đủ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì hệ thống kế toán phù hợp nhằm phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản và thiết lập các kiểm soát cần thiết nhằm phòng ngừa và phát hiện gian lận hoặc sai sót. Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, tại thời điểm lập báo cáo, không có thông tin về gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính liên quan đến ban Tổng Giám đốc, các đơn vị thành viên hoặc các cá nhân giữ vai trò quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

6. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, Chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 08 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Bình

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Top One (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 08 năm 2026, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Tại thời điểm 01/01/2026 và 30/06/2026 Công ty có các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang số tiền 122.879.624.000 đồng, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1 số tiền 17.280.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2 số tiền 17.280.000.000 đồng. Tuy nhiên chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ liên quan đến tính hiện hữu, tính đầy đủ, quyền và nghĩa vụ, cũng như đánh giá giá trị hợp lý liên quan đến các khoản đầu tư này. Thêm vào đó việc đầu tư vào các khoản đầu tư này cũng đang là đối tượng khởi kiện của nhóm cổ đông công ty liên quan đến hành vi “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Ban lãnh đạo cũ (chi tiết tại Thuyết minh số 1, mục VIII Thông tin khác), đến thời điểm hiện tại vụ kiện này đã kết thúc quá trình điều tra và đang chuẩn bị đưa ra xét xử. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác tuy nhiên các thủ tục này không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra kết luận đối với các khoản đầu tư nêu trên. Vì vậy chúng tôi không có đầy đủ căn cứ để đưa kết luận về các khoản đầu tư này và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2026.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.7 của Báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty đang ghi nhận quyền sử dụng đất với nguyên giá 1.661.300.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm kiểm toán, Công ty chưa cung cấp được đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến quá trình hình thành quyền sử dụng đất này. Vì vậy, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về tính chính xác của nguyên giá quyền sử dụng đất được ghi nhận, cũng như xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục Tài sản vô hình và các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hay không.



Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (Tiếp theo)

Tại ngày 01/01/2026 và 30/06/2026, Công ty có khoản cho cổ đông là bà Lê Thị Phương vay tiền với số dư 3.400.000.000 đồng, được trình bày tại chỉ tiêu 265 trên Báo cáo Tình hình tài chính. Điều này không phù hợp theo quy định của Luật Chứng khoán hiện hành. Chúng tôi cũng không thể thu thập bằng chứng kiểm toán thích hợp về việc chuyển tiền cho khoản cho vay nêu trên do vậy chúng tôi không thể khẳng định tính hiện hữu đối với khoản cho vay này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Kết luận của Kiểm toán viên

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các Báo cáo tài chính này.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 4981-2024-005-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		404.758.110	458.522.951
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	212.208.353	179.428.312
1. Tiền	111		212.208.353	179.428.312
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	161.060.000	102.480.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161.090.000	102.480.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(30.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		405.900	140.314.877
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	-	14.217.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	405.900	98.900.001
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	-	27.197.876
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	-	2.185.186
1. Hàng tồn kho	141		-	2.185.186
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		31.083.857	34.114.576
1. Thuế GTGT được khấu trừ	162		31.083.857	16.254.736
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	17.859.840
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161.960.812.762	161.991.577.582
I. Tài sản cố định	220		1.087.188.762	1.117.953.582
1. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.087.188.762	1.117.953.582
Nguyên giá	228		1.661.300.000	1.661.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(574.111.238)	(543.346.418)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	160.873.624.000	160.873.624.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		157.439.624.000	157.439.624.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		3.434.000.000	3.434.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	280		162.365.570.872	162.450.100.533

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		114.982.792	148.540.000
I. Nợ ngắn hạn	310		114.982.792	148.540.000
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	22.900.000	13.540.000
2. Phải trả người lao động	315		15.000.000	10.000.000
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.10	-	125.000.000
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.11	77.082.792	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.12	162.250.588.080	162.301.560.533
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		253.500.000.000	253.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		253.500.000.000	253.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	420		(91.249.411.920)	(91.198.439.467)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(91.198.439.467)	(91.000.334.188)
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(50.972.453)	(198.105.279)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		162.365.570.872	162.450.100.533

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 08 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Minh Thuận

Đinh Thị Minh Thuận



Nguyễn Văn Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	37.996.643	25.687.566
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		37.996.643	25.687.566
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	35.153.800	25.971.417
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.842.843	(283.851)
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	237.891.974	202.410.246
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	3.571.482	66.328
Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	226.511.127	297.154.704
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26))	30		10.652.208	(95.094.637)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	12.999.999	19.500.000
13. Chi phí khác	32	VI.7	74.624.660	-
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(61.624.661)	19.500.000
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(50.972.453)	(75.594.637)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(50.972.453)	(75.594.637)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(2)	(3)

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 08 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Minh Thuận

Đinh Thị Minh Thuận

Nguyễn Văn Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(50.972.453)	(75.594.637)
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		30.764.820	30.764.820
Các khoản dự phòng	03		30.000	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(204.000.000)	(202.410.246)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(224.177.633)	(247.240.063)
Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		142.939.696	149.315.583
Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		2.185.186	-
Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(110.640.000)	(10.900.000)
Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		(58.610.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(248.302.751)	(108.824.480)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		204.000.000	204.086.958
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		204.000.000	204.086.958
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		141.288.289	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(64.205.497)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		77.082.792	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+ 30 + 40)	50		32.780.041	95.262.478
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		179.428.312	219.582.499
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	212.208.353	314.844.977

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Đinh Thị Minh Thuận


Đinh Thị Minh Thuận


Nguyễn Văn Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Phân Phối Top One (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 11 tháng 03 năm 2013 và thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 09 năm 2025 do Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính Tỉnh Tuyên Quang cấp.

Tên tiếng anh: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: TOP ONE., JSC
Mã chứng khoán: TOP (Đăng ký giao dịch UpCom)
Trụ sở chính: Thôn 19, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

2. Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Bán buôn tổng hợp

Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có

6. Số người lao động tại thời điểm cuối kỳ

Tổng số người lao động đến ngày 30 tháng 06 năm 2026: 05 người. (Ngày 31 tháng 12 năm 2025: 06 người)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát nhưng có ảnh hưởng đáng kể được trình bày như sau:

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 03 công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp (Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 03 công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp) như sau:

Tên công ty, địa chỉ và hoạt động chính tại ngày 30/06/2026	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết
1. Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang Địa chỉ: Tổ 1- Thị trấn Việt Lâm- Huyện Vị Xuyên- Hà Giang Nay là Tổ 1, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang	48%	48%
2. Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1 Địa chỉ: Thôn Năm Quảng, xã Quảng Ngần, Huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang Nay là Thôn Vạt, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang	48%	48%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tên công ty, địa chỉ và hoạt động chính tại ngày 30/06/2026

% sở hữu
trực tiếp% quyền
biểu quyết

3. Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2
Địa chỉ: Thôn Nặm Quăng, xã Quảng Ngần, Huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà
Giang
Nay là Đội 1, Thôn Chung, Xã Việt Lâm, Tỉnh Tuyên Quang

48%

48%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026, Công ty đã chuyển đổi việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC sang Thông tư 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27/10/2025 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Do sự khác biệt về nguyên tắc ghi nhận, đo lường và trình bày giữa hai chế độ kế toán, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh của kỳ trước nhằm đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh giữa các kỳ. Các ảnh hưởng trọng yếu của việc chuyển đổi đã được phản ánh trên các chỉ tiêu liên quan của Báo cáo tài chính và được trình bày tại các thuyết minh có liên quan.

9. Áp dụng cơ sở hoạt động liên tục trong việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Công ty trên cơ sở các thông tin hiện có tại ngày kết thúc kỳ kế toán và kết luận rằng việc áp dụng cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu nào có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

10. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ

Trong kỳ kế toán, Công ty phát sinh các sự kiện trọng yếu có ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ hoặc các nội dung trình bày trên Báo cáo tài chính. Các sự kiện trọng yếu bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- Nghị quyết chuyển nhượng hoặc thanh lý các dự án, tài sản có giá trị trọng yếu;
- Các vụ kiện, tranh chấp, quyết định của cơ quan nhà nước hoặc nghĩa vụ pháp lý trọng yếu;

Chi tiết các sự kiện trọng yếu được trình bày tại các thuyết minh liên quan trong Báo cáo tài chính.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

Trong kỳ tài chính, Công ty không có thay đổi về đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán so với năm trước.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính "Thông tư 99" và các quy định có liên quan trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản đầu tư được doanh nghiệp nắm giữ vì mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật trong ngắn hạn (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng nhưng được doanh nghiệp mua vào, bán ra để kiếm lời), bao gồm cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính khác (Chứng chỉ quỹ, quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua/bán, hợp đồng tương lai, thương phiếu, các khoản nợ/cho vay mang tính kinh doanh) được doanh nghiệp mua bán lại để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại thời điểm giao dịch. Các chi phí liên quan đến việc mua chứng khoán (nếu có) được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Thu nhập từ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, cụ thể

- Cổ tức, lãi trái phiếu phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính;
- Các khoản liên quan đến giai đoạn trước khi đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán thấp hơn giá gốc, doanh nghiệp thực hiện trích lập dự phòng giảm giá theo quy định. Trong quá trình nắm giữ, doanh nghiệp không được tái phân loại chứng khoán kinh doanh thành khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và ngược lại.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Doanh nghiệp trích lập dự phòng đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Đối với chứng khoán niêm yết hoặc có giá trị hợp lý xác định được: dự phòng được xác định căn cứ theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với chứng khoán không xác định được giá trị hợp lý: dự phòng được xác định căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định mức dự phòng phải lập đối với từng khoản đầu tư. Trường hợp mức dự phòng phải lập lớn hơn số dự phòng đã trích lập, doanh nghiệp trích lập bổ sung và ghi nhận vào chi phí tài chính. Trường hợp mức dự phòng phải lập nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập nhưng chưa sử dụng hết, doanh nghiệp hoàn nhập phần chênh lệch và ghi giảm chi phí tài chính trong kỳ. Việc hoàn nhập có thể được thực hiện tại thời điểm bán, chuyển nhượng chứng khoán hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán khi xác định lại mức dự phòng phải lập. Doanh nghiệp phải áp dụng nhất quán phương pháp đã lựa chọn giữa các kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản cho vay mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn nhằm thu lãi. Các khoản đầu tư này không bao gồm các công cụ tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được phân loại là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào thời hạn còn lại đến ngày đáo hạn.

Doanh thu lãi được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích dựa trên thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế. Lãi nhận trước được phân bổ dần; lãi nhận định kỳ được ghi nhận theo từng kỳ phát sinh. Khi đáo hạn hoặc thanh lý trước hạn, chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị ghi sổ (sau khi trừ dự phòng và chi phí liên quan) được ghi nhận vào kết quả hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, nếu có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp có khả năng không thu hồi được, Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất theo quy định hiện hành. Khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và trình bày trên tài khoản dự phòng tổn thất tài sản.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát. Ảnh hưởng đáng kể thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết hoặc có khả năng tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị được đầu tư.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch. Cổ tức và lợi nhuận phát sinh trước thời điểm mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận phát sinh sau thời điểm mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Đối với cổ tức nhận bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm và không ghi nhận giá trị.

Việc xác định quyền kiểm soát và ảnh hưởng đáng kể được thực hiện trên cơ sở bản chất giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và không bị ảnh hưởng bởi kế hoạch thanh lý trong tương lai. Trường hợp quyền này bị hạn chế bởi các yếu tố pháp lý hoặc điều hành, Công ty đánh giá theo thực tế để phân loại khoản đầu tư. Khi không còn quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể, khoản đầu tư được ghi giảm; chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị ghi sổ được ghi nhận vào kết quả tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá khả năng tổn thất của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết trên cơ sở các bằng chứng khách quan và thông tin hiện có, bao gồm tình hình lỗ lũy kế, suy giảm giá trị tài sản hoặc khả năng thu hồi vốn của đơn vị được đầu tư, đối với các khoản đầu tư niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng được trích lập khi giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị có thể thu hồi được xác định trên cơ sở giá trị hợp lý (nếu xác định được) hoặc giá trị tài sản thuần của đơn vị được đầu tư (được xác định trên cơ sở tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng tạo dòng tiền trong tương lai của đơn vị nhận đầu tư). Khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và được hoàn nhập khi nguyên nhân dẫn đến việc trích lập không còn.

Việc trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được thực hiện căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp được đầu tư. Trường hợp đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, việc trích lập dự phòng được căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu phản ánh quyền đòi tiền hoặc lợi ích kinh tế của Công ty từ các đối tượng phát sinh từ các giao dịch đã thực hiện. Khoản phải thu được xác định theo giá trị gốc, theo dõi chi tiết theo đối tượng và kỳ hạn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu được trình bày theo giá trị gốc sau khi trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) đã trích lập.

Các khoản phải thu được phân loại thành ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào bản chất khoản phải thu và thời gian thu hồi dự kiến không quá hoặc trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản phải thu của Công ty bao gồm:

Phải thu của khách hàng là các khoản nợ phát sinh từ doanh thu về bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với khách hàng, trong đó quyền thu tiền chỉ phụ thuộc vào yếu tố thời gian. Khoản mục này cũng bao gồm các khoản phải thu của bên nhận thầu xây dựng cơ bản đối với bên giao thầu về khối lượng công việc đã hoàn thành.

Phải thu khác bao gồm các khoản phải thu phát sinh ngoài hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ, tiền lãi cho vay. Đối với các khoản phải thu khác có giá trị trọng yếu, Công ty thực hiện theo dõi và thuyết minh chi tiết về bản chất giao dịch, giá trị, thời gian phát sinh, thời hạn hoàn trả/thu hồi, tình trạng quá hạn (nếu có) và các điều khoản liên quan theo quy định hiện hành.

4. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm các tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường, bao gồm: hàng mua đang đi đường, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm dở dang, sản phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp khác để đưa hàng tồn kho đến địa điểm và trạng thái hiện tại, sau khi trừ các khoản giảm giá và chiết khấu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định trên cơ sở giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết để tiêu thụ. Khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Việc trích lập và hoàn nhập được thực hiện trên cơ sở so sánh giữa số dự phòng phải lập và số dư dự phòng đã ghi nhận.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**Nguyên tắc kế toán TSCĐ vô hình**

TSCĐ vô hình là các tài sản không có hình thái vật chất do Công ty nắm giữ để sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho thuê, thỏa mãn các tiêu chuẩn ghi nhận theo quy định hiện hành.

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí trong kỳ, trừ khi làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai và được xác định một cách đáng tin cậy được vốn hóa vào nguyên giá.

Khi ghi giảm tài sản cố định vô hình do bán hoặc thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ; phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán TSCĐ vô hình (Tiếp theo)**

Nguyên giá TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì nguyên giá TSCĐ là số tiền Công ty đã trả để có được quyền sử dụng đất hợp pháp (gồm chi phí đã trả cho tổ chức, cá nhân chuyển nhượng; chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...) hoặc theo thỏa thuận của các bên góp vốn. Việc xác định TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Nguyên tắc kế toán phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các giao dịch hoặc sự kiện đã xảy ra và việc thanh toán nghĩa vụ này dự kiến làm giảm nguồn lực kinh tế của Công ty. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận khi nghĩa vụ có khả năng phát sinh và giá trị có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào thời hạn còn lại của nghĩa vụ thanh toán theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả phải được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp, được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với người bán hàng hóa, dịch vụ và các đối tượng liên quan theo hợp đồng. Các khoản này được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, bao gồm cả các khoản ứng trước cho người bán. Các khoản chiết khấu và giảm giá (nếu có) được hạch toán riêng theo quy định.

7. Phúc lợi người lao động

Phúc lợi người lao động là các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng, các khoản bảo hiểm bắt buộc và các khoản phúc lợi khác mà Công ty có nghĩa vụ chi trả cho người lao động theo quy định của pháp luật, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc quy chế của Công ty để đổi lấy dịch vụ mà người lao động đã cung cấp. Các khoản phúc lợi người lao động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi người lao động đã cung cấp dịch vụ làm phát sinh nghĩa vụ hiện tại của Công ty. Các khoản chưa thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận là khoản phải trả người lao động hoặc các khoản phải trả, phải nộp liên quan theo quy định.

Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ trên cơ sở thời gian làm việc hoặc khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng lao động và các quy định có liên quan của Công ty.

Các khoản bảo hiểm bắt buộc, bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản phải nộp khác theo quy định của pháp luật, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo quy định của pháp luật và được ghi nhận là khoản phải trả cho đến khi thanh toán cho cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản khấu trừ vào tiền lương của người lao động theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận được ghi nhận là khoản phải trả hoặc phải nộp đối với các bên có liên quan cho đến khi được thanh toán.

Các khoản tiền thưởng và các khoản phúc lợi khác (nếu có) được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra, có khả năng làm phát sinh dòng tiền chi ra và giá trị của nghĩa vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh hoặc chắc chắn sẽ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng đến thời điểm lập báo cáo tài chính chưa có đủ chứng từ, chưa thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán, được ghi nhận trên cơ sở phù hợp giữa doanh thu và chi phí, bảo đảm chi phí được ghi nhận đúng kỳ kế toán phát sinh. Việc trích trước chi phí phải có căn cứ hợp lý, đáng tin cậy và được tính toán phù hợp với chi phí thực tế dự kiến phát sinh.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản như: chi phí lãi vay phải trả, tiền lương nghỉ phép của người lao động, chi phí ngừng sản xuất theo kế hoạch và các khoản chi phí phải trả khác liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp không bao gồm các khoản dự phòng phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thực tế các khoản tiền đã nhận và các khoản còn phải thanh toán không bao gồm chi phí đi vay, đồng thời được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay, kỳ hạn vay và đồng tiền vay.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời hạn thanh toán còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán được phân loại là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản có thời hạn thanh toán còn lại từ 12 tháng trở xuống hoặc Công ty không có quyền vô điều kiện để hoãn việc thanh toán trong ít nhất 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp và không ghi nhận theo số vốn cam kết góp, số phải thu của các chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm vốn góp ban đầu và vốn góp bổ sung của các chủ sở hữu; các khoản bổ sung từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu; cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi (quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu); các khoản viện trợ không hoàn lại và các khoản khác được cơ quan có thẩm quyền cho phép ghi tăng vốn chủ sở hữu theo quy định hiện hành.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện trên cơ sở lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty sau khi xem xét tình hình tài chính, dòng tiền và các hạn chế theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Khi phân phối lợi nhuận, Công ty xem xét ảnh hưởng của các khoản mục phi tiền tệ có thể ảnh hưởng đến khả năng chi trả cổ tức hoặc lợi nhuận, bao gồm các khoản lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, đánh giá lại các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**Ghi nhận doanh thu bán hàng** khi đồng thời thỏa mãn 5 (năm) điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tài sản sinh học (trừ cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ và súc vật làm việc được kế toán là TSCĐ), bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: các khoản chi phí và khoản lỗ phát sinh từ hoạt động tài chính, bao gồm: chi phí đi vay không được vốn hóa theo quy định; lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính; chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng tổn thất đầu tư tài chính; lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh các chi phí quản lý chung của toàn bộ doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí nhân viên quản lý (lương, các khoản trích theo lương, bảo hiểm); chi phí vật liệu văn phòng; chi phí công cụ dụng cụ; chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý; các khoản thuế, phí và lệ phí (thuế môn bài, tiền thuê đất không đủ điều kiện vốn hóa); chi phí dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác thuộc bộ phận văn phòng.

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp và nguyên tắc dồn tích tại thời điểm phát sinh, không phụ thuộc vào thời điểm thực tế chi trả tiền. Các khoản chi phí không được coi là chi phí hợp lý, hợp lệ theo Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ kế toán vẫn được ghi nhận đầy đủ vào chi phí kế toán trong kỳ và được điều chỉnh loại trừ khi tính thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc được hoàn) được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng trong kỳ. Thu nhập chịu thuế được xác định trên cơ sở lợi nhuận kế toán sau khi điều chỉnh các khoản chênh lệch theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm các khoản chi phí không được trừ, thu nhập được miễn thuế hoặc không chịu thuế, các khoản lỗ được chuyển theo quy định và các khoản điều chỉnh khác.

Các nghĩa vụ thuế của Công ty được kê khai và xác định trên cơ sở các quy định của pháp luật thuế hiện hành. Do việc áp dụng và diễn giải các quy định của pháp luật thuế có thể khác nhau, các báo cáo thuế của Công ty có thể được cơ quan thuế kiểm tra và xác định lại theo quy định. Chênh lệch (nếu có) giữa số thuế đã ghi nhận và số thuế theo kết luận của cơ quan thuế sẽ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính trong kỳ khi có quyết định hoặc kết luận chính thức của cơ quan thuế.

16. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

17. Bên liên quan

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);

(ii) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);

(iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

(v) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (iii) hoặc trường hợp (iv) nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026
Tiền mặt	175.264.000	164.431.357
Tiền gửi không kỳ hạn	36.944.353	14.996.955
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông - VND	36.944.353	14.996.955
Cộng	212.208.353	179.428.312



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

		30/06/2026			01/01/2026		
		Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng	Số lượng	Giá gốc
2. Các khoản đầu tư tài chính							
a. Chứng khoán kinh doanh							
Tổng giá trị cổ phiếu		11.700	161.090.000	265.020.000	(30.000)	8.200	102.480.000
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP - Mã CK: PGC		11.600	160.520.000	264.480.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Đô thị Từ Liêm - Mã CK: MTL		100	570.000	540.000	(30.000)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk - Mã CK: DRI		-	-	-	-	8.200	102.480.000
Cộng		11.700	161.090.000	265.020.000	(30.000)	8.200	102.480.000
							105.780.000
							-

Trong kỳ, Công ty thực hiện cơ cấu lại danh mục chứng khoán kinh doanh phù hợp với chiến lược đầu tư, tình hình thị trường và nhu cầu quản lý dòng tiền. Biến động tăng/giảm giá trị chứng khoán kinh doanh chủ yếu phát sinh từ giao dịch mua bán trong kỳ và việc đánh giá lại giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán trong năm chủ yếu phát sinh từ giao dịch cổ phiếu niêm yết. Khoản lỗ đánh giá lại chứng khoán kinh doanh phát sinh do biến động giảm của thị trường chứng khoán tại thời điểm cuối kỳ được trình bày tại kết quả kinh doanh thuyết minh số VI.3, VI.4

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

30/06/2026				01/01/2026			
Số lượng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Dài hạn	3.434.000.000	3.434.000.000	-		3.434.000.000	3.434.000.000	-
Cho vay	3.434.000.000	3.434.000.000	-		3.434.000.000	3.434.000.000	-
Bà Lê Thị Phương (*)	3.434.000.000	3.434.000.000	-		3.434.000.000	3.434.000.000	-
Cộng	-	3.434.000.000	-	-	3.434.000.000	3.434.000.000	-

(*) Khoản cho vay đối với bà Lê Thị Phương theo Hợp đồng vay vốn số 01/2022/HĐVV - TOP ngày 15/12/2022, có giá trị gốc là 3.400.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 19/12/2022 đến ngày 19/12/2027, lãi suất 12%/năm, cho vay không có tài sản bảo đảm; tại ngày lập báo cáo tài chính, khoản vay chưa đến hạn thanh toán và Ban Giám đốc đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi theo hợp đồng.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

30/06/2026				01/01/2026			
Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	157.439.624.000		-		157.439.624.000		-
Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	122.879.624.000		-		122.879.624.000		-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1	17.280.000.000		-		17.280.000.000		-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2	17.280.000.000		-		17.280.000.000		-
Cộng	-	157.439.624.000	-	-	157.439.624.000		-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty tại ngày 30/06/2026 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
-------------	----------------------------	---------------	------------------	----------------------------

Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	Địa chỉ: Tổ 1- Thị trấn Việt Lâm- Huyện Vị Xuyên- Hà Giang Nay là Tổ 1, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang	48%	48%	Bán buôn tổng hợp (trừ những ngành nghề nhà nước cấm), chế biến thực phẩm. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký
---	--	-----	-----	---

- (1) Năm 2018, Công ty phát sinh hoạt đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với tổng giá trị khoản đầu tư là 243.200.000.000 đồng, chiếm 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà. Khoản đầu tư được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.
- (2) Năm 2019, Công ty thực hiện phương án tái cấu trúc khoản đầu tư được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2019. Theo đó, Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà, toàn bộ vốn thu được từ giao dịch thoái vốn này dùng để đầu tư mua 95% cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang.
- (3) Năm 2020, Công ty chuyển nhượng 47% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương đương 1.128.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 32.000 đồng/cổ phần. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty còn nắm giữ 1.152.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương ứng 48% vốn điều lệ. Các khoản lãi/lỗ tài chính liên quan đến giao dịch nói trên được phản ánh vào báo cáo tài chính năm 2020.
- (4) Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân phối Top One (đại diện là Ông Nguyễn Ngọc Dương - Chủ tịch HĐQT) đã có đơn tố giác tội phạm gửi đến các cơ quan chức năng ngày 04/02/2023 tố giác một số cá nhân thuộc Ban Giám đốc, giai đoạn trước ngày 28/08/2022 về các sai phạm trong hoạt động điều hành quản lý Công ty, trong đó có liên quan đến một số giao dịch nêu trên.
- (5) Ngày 30/01/2026, Tòa án ban hành Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2026/HS-ST, trong đó Tòa xác định đây là các pháp nhân được lập trong hệ thống doanh nghiệp do các bị cáo điều hành nhằm phục vụ việc huy động vốn trái pháp luật và tạo dựng hình ảnh về một hệ sinh thái đầu tư để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Tòa đã quyết định tiêu hủy toàn bộ con dấu chữ ký, dấu chức danh của các bị cáo được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội tại tất cả các công ty trên và kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tiếp tục điều tra xác minh về tình hình hoạt động của các công ty do các bị cáo thành lập phạm tội trong vụ án này, nếu không đủ điều kiện theo Luật doanh nghiệp thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.1).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty tại ngày 30/06/2026 như sau: (Tiếp theo)

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1	Địa chỉ: Thôn Nặm Quăng, xã Quảng Ngần, Huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang Nay là Thôn Vạt, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang	48%	48%	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2	Địa chỉ: Thôn Nặm Quăng, xã Quảng Ngần, Huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang Nay là Thôn Vạt, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang	48%	48%	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Các khoản đầu tư tài chính nêu trên được Hội đồng quản trị phê duyệt số 1206/2020/TOP/NQ-HĐQT ngày 12/06/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a. Ngắn hạn	-	-	14.217.000	-
Trần Hồng Tài	-	-	14.217.000	-
Cộng	-	-	14.217.000	-

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính được trình bày tại Thuyết minh số VIII.2 - Giao dịch với các bên liên quan.

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	405.900	-	98.900.001	-
Công ty TNHH Phần mềm Nhân Hòa	405.900	-	-	-
Chu Ah Yee	-	-	26.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	-	-	72.900.001	-
Cộng	405.900	-	98.900.001	-

5. Phải thu khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	-	-	27.197.876	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	26.000.000	-
Phải thu khác	-	-	1.197.876	-
Cộng	-	-	27.197.876	-

6. Hàng tồn kho

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	-	-	2.185.186	-
Cộng	-	-	2.185.186	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	1.661.300.000	1.661.300.000
Số dư cuối kỳ	1.661.300.000	1.661.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	543.346.418	543.346.418
Khấu hao trong kỳ	30.764.820	30.764.820
Số dư cuối kỳ	574.111.238	574.111.238
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	1.117.953.582	1.117.953.582
Số dư cuối kỳ	1.087.188.762	1.087.188.762

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VNĐ

- (*) 1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00097 do Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp ngày 30/12/2011, chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Phân phối Top One theo hồ sơ số: 000933.CN.001 ngày 02/03/2017.
- + Diện tích: 2604m2
 - + Mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất
 - + Thời hạn sử dụng đất: Đến năm 2044
 - + Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.
- (*) 2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01140 do Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp ngày 30/12/2011, chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Phân phối Top One theo hồ sơ số: 000933.CN.001 ngày 02/03/2017.
- + Diện tích: 8318 m2
 - + Mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất
 - + Thời hạn sử dụng đất: Đến năm 2044
 - + Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Ngày 26/05/2026, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 2605/2026/NQ-HĐQT về việc triển khai chuyển nhượng các quyền sử dụng đất nêu trên trong năm 2026 theo chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

8. Phải trả người bán

	30/06/2026	01/01/2026
Ngắn hạn	22.900.000	13.540.000
Công ty TNHH Thương mại VHC	-	13.540.000
Khoản phải trả khác	22.900.000	-
Cộng	22.900.000	13.540.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải thu

Chỉ tiêu	01/01/2026	Phát sinh tăng trong năm	Đã nhận/đã bù trừ trong năm	30/06/2026
Thuế TNDN nộp thừa	17.859.840	-	17.859.840	-
Cộng	17.859.840	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

Trình bày cách xác định và thuế suất các loại thuế

Thuế GTGT: Áp dụng phương pháp khấu trừ, thuế suất phổ biến từ 0%, 5% và 10% theo quy định hiện hành.

10. Chi phí phải trả

	30/06/2026	01/01/2026
Ngắn hạn	-	125.000.000
Trích trước chi phí kiểm toán	-	125.000.000
Cộng	-	125.000.000

11. Vay và nợ thuê tài chính

Khoản mục	01/01/2026	Trong kỳ		30/06/2026
		Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn	-	141.288.289	64.205.497	77.082.792
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (*)	-	141.288.289	64.205.497	77.082.792
Cộng	-	141.288.289	64.205.497	77.082.792

(*) Khoản vay margin ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT phục vụ hoạt động đầu tư chứng khoán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	253.500.000.000	(91.000.334.188)	162.499.665.812
Lợi nhuận	-	(75.594.637)	(75.594.637)
Số dư cuối kỳ trước	253.500.000.000	(91.075.928.825)	162.424.071.175
Số dư đầu kỳ này	253.500.000.000	(91.198.439.467)	162.301.560.533
Lợi nhuận	-	(50.972.453)	(50.972.453)
Số dư cuối kỳ này	253.500.000.000	(91.249.411.920)	162.250.588.080

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2026	01/01/2026
Trần Hồng Tài	25,03%	63.455.000.000	63.455.000.000
Nguyễn Thị Kim Anh	5,00%	12.674.000.000	12.674.000.000
Trần Quang Bách	5,00%	12.673.000.000	12.673.000.000
Trần Thị Thu	5,00%	12.673.000.000	12.673.000.000
Các cổ đông khác	59,97%	152.025.000.000	152.025.000.000
Cộng	100,00%	253.500.000.000	253.500.000.000

	Theo Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Điều lệ Công ty		Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
Chỉ tiêu	VND	Tỷ lệ %	VND	VND
Góp vốn bằng tiền	253.500.000.000	100,00%	253.500.000.000	-
Cộng	253.500.000.000	100,00%	253.500.000.000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/06/2026	01/01/2026
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	253.500.000.000	253.500.000.000
Vốn góp cuối kỳ	253.500.000.000	253.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.350.000	25.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

13. Các khoản mục Báo cáo tình hình tài chính

Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp

Loại tài sản	Giá trị ghi sổ (VND)	Nghĩa vụ được bảo đảm	Bên nhận thế chấp	Thời hạn bảo đảm
Chứng khoán kinh doanh	161.090.000	Khoản vay margin ngắn hạn, số dư tại ngày 30/06/2026 là 77.082.792 đồng	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Theo thời hạn của hợp đồng
Cộng	161.090.000			

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Doanh thu bán hàng hóa	37.996.643	25.687.566
Cộng	37.996.643	25.687.566

2. Giá vốn hàng bán

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Giá vốn của hàng hóa đã bán	35.153.800	25.971.417
Cộng	35.153.800	25.971.417

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	204.331.974	202.410.246
Lãi bán các khoản đầu tư chứng khoán	33.560.000	-
Cộng	237.891.974	202.410.246

4. Chi phí tài chính

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Lỗ bán các khoản đầu tư chứng khoán	1.760.000	-
Các khoản chi phí tài chính khác	1.811.482	66.328
Cộng	3.571.482	66.328

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Chi phí nhân viên quản lý	110.000.000	118.955.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	666.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	30.764.820
Thuế, phí và lệ phí	1.210.000	7.454.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.032.900	85.184.000
Chi phí bằng tiền khác	32.268.227	54.129.998
Cộng	226.511.127	297.154.704

6. Thu nhập khác

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Các khoản thu nhập khác	12.999.999	19.500.000
Cộng	12.999.999	19.500.000

7. Chi phí khác

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	26.000.000	-
Các khoản chi phí khác	48.624.660	-
Cộng	74.624.660	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.153.800	25.971.417
Chi phí nhân công	110.000.000	118.955.000
Thuế, phí, lệ phí	1.210.000	7.454.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	30.764.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.032.900	85.184.000
Chi phí khác bằng tiền	32.268.227	54.796.664
Cộng	261.664.927	323.126.121

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(50.972.453)	(75.594.637)
Điều chỉnh tăng/(giảm) tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	58.452.008	-
Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	58.452.008	-
Chi phí không hợp lệ	48.624.660	-
Chi phí điều chỉnh	9.827.348	-
Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN	7.479.555	(75.594.637)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	7.479.555	(75.594.637)
Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	(7.479.555)	-
Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	(7.479.555)	-
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD theo thuế suất phổ thông 20%	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(50.972.453)	(75.594.637)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(50.972.453)	(75.594.637)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.350.000	25.350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2)	(3)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty chịu ảnh hưởng của các rủi ro tài chính phát sinh từ hoạt động kinh doanh và đầu tư, bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc thường xuyên theo dõi và áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp nhằm hạn chế các tác động bất lợi của các rủi ro này.

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh chủ yếu từ các khoản vay và tiền gửi có lãi suất của Công ty. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách theo dõi diễn biến lãi suất thị trường, cân đối cơ cấu nguồn vốn và duy trì khả năng thanh toán phù hợp.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng phát sinh từ khả năng khách hàng, đối tác hoặc các tổ chức tài chính không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc đánh giá năng lực tài chính của khách hàng, theo dõi công nợ thường xuyên và duy trì tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty không có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn. Rủi ro này chủ yếu liên quan đến sự không phù hợp về thời gian giữa dòng tiền thu từ tài sản tài chính và các nghĩa vụ thanh toán nợ phải trả. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp, đồng thời thường xuyên theo dõi dòng tiền và kế hoạch sử dụng vốn nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và duy trì các hạn mức tín dụng hiện có để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và các nghĩa vụ thanh toán trong tương lai.

4. Rủi ro pháp lý và tuân thủ

Công ty quản lý rủi ro pháp lý và tuân thủ thông qua việc thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật, rà soát tính tuân thủ và thực hiện các biện pháp kiểm soát phù hợp nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán****Vụ kiện liên quan đến các khoản đầu tư**

Thông qua quá trình huy động vốn từ giai đoạn năm 2015 đến năm 2018 Công ty đã huy động tổng số vốn là 214.500.000.000 đồng.

Năm 2018, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với tổng giá trị khoản đầu tư là 243.200.000.000 đồng, chiếm 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà. Khoản đầu tư được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.

Năm 2019, Công ty thực hiện phương án tái cấu trúc khoản đầu tư được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2019. Theo đó, Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà, toàn bộ vốn thu được từ giao dịch thoái vốn này dùng để đầu tư mua 95% cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang.

Năm 2020, Công ty chuyển nhượng 47% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương đương 1.128.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 32.000 đồng/cổ phần. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty còn nắm giữ 1.152.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương ứng 48% vốn điều lệ. Các khoản lãi/lỗ tài chính liên quan đến giao dịch nói trên được phản ánh vào báo cáo tài chính năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân phối Top One (đại diện là Ông Nguyễn Ngọc Dương - Chủ tịch HĐQT) đã có đơn tố giác tội phạm gửi đến các cơ quan chức năng ngày 28/10/2022 tố giác một số cá nhân thuộc Ban Giám đốc, giai đoạn trước ngày 28/08/2022 về các sai phạm trong hoạt động điều hành quản lý Công ty, trong đó có liên quan đến một số giao dịch nêu trên. Tháng 4 năm 2023, Công ty nhận được Thông báo về việc tiếp nhận đơn tố giác tội phạm do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Hà Giang ban hành.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm. Ngày 30/01/2026, Tòa án ban hành Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2026/HS-ST, tuyên các bị cáo Đinh Văn Tạo, Nguyễn Thế Trịnh, Nguyễn Hữu Khá, Đỗ Xuân Long và Vũ Thái Bình phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bản án xác định hành vi của các bị cáo là sử dụng hệ thống doanh nghiệp thuộc Công ty Cổ phần phân phối Top One để tạo dựng hình ảnh doanh nghiệp có năng lực tài chính và tiềm năng đầu tư không đúng thực tế, phát hành và huy động vốn từ các nhà đầu tư thông qua các thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản. Tòa nhận định hành vi phạm tội của các bị cáo không xâm phạm đến tài sản của Công ty TOP One mà trực tiếp chiếm đoạt tiền của các nhà đầu tư chứng khoán. Công ty Cổ phần phân phối Top One thực tế không có tài sản, không có trụ sở công ty, vốn góp đều là vốn không do Tạo cùng các đồng phạm thực hiện bằng phương thức chạy dòng tiền nên Công ty Top One không phải là bị hại, theo đó Công ty Top One không được bồi thường thiệt hại mà các cổ động mới trực tiếp là người bị hại. Tòa quyết định buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho 50 bị hại/52 tài khoản chứng khoán có yêu cầu bồi thường tại thời điểm xét xử sơ thẩm và 489 cổ đông hiện hữu/502 tài khoản chứng khoán, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tổng số tiền là 23.094.243.000 đồng.

Ngày 09/02/2026, Công ty Cổ phần Phân phối Top One đã nộp Đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2026/HS-ST ngày 30/01/2026. Theo nội dung kháng cáo, Công ty đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc xác định giá trị cổ phiếu của Công ty; buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho Công ty số tiền 209.888.890.760 đồng (sau khi trừ các khoản chi phí hợp lệ và tài sản đã bàn giao); đồng thời đề nghị thay đổi tư cách tham gia tố tụng của Công ty từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thành bị hại.

Ngày 26/02/2026, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Thông báo số 08/TB-TA về việc kháng cáo (bỏ sung), xác nhận đã tiếp nhận đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần Phân phối Top One cùng các kháng cáo của nhiều bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vụ án đang được giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Do đó, đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kết quả giải quyết cuối cùng của vụ án cũng như các ảnh hưởng phát sinh (nếu có) đối với Báo cáo tài chính của Công ty vẫn chưa được xác định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán (Tiếp theo)

Vụ kiện liên quan đến các khoản đầu tư (Tiếp theo)

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa có đầy đủ cơ sở để xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư nêu trên và chưa xây dựng phương án cuối cùng đối với các khoản đầu tư này. Bản án hình sự sơ thẩm không tuyên về việc hủy bỏ, thu hồi hoặc xử lý giá trị các khoản đầu tư của Công ty mà chủ yếu xem xét trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Chi tiết định nghĩa về các bên liên quan trình bày tại thuyết minh số IV.17

Chi tiết đối tượng và mối quan hệ các bên liên quan chính trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Ngọc Dưỡng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Văn Thuận	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hồng Tài	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2	Công ty liên kết

a. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bên Công ty

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Bên liên quan	Chức vụ	Tính chất thu nhập	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
1. Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán			49.000.000	48.000.000
Nguyễn Ngọc Dưỡng	Chủ tịch HĐQT	Tiền lương	36.000.000	33.000.000
Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Tiền lương	6.000.000	6.000.000
Vũ Văn Thuận	Thành viên	Tiền lương	7.000.000	9.000.000
Bên liên quan	Chức vụ	Tính chất thu nhập	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
2. Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng			60.000.000	54.000.000
Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tiền lương	40.000.000	36.000.000
Đinh Thị Minh Thuận	Kế toán trưởng	Tiền lương	20.000.000	18.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Bên liên quan - Nợ phải thu và phải trả	Số dư tại ngày	
	30/06/2026	01/01/2026
Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	14.217.000
Ông Trần Hồng Tài	-	14.217.000
Giao dịch phát sinh bên liên quan trên Kết quả kinh doanh	Phát sinh trong năm	
	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Doanh thu bán hàng	37.996.643	25.687.566
Bán hàng hóa.	37.996.643	25.687.566
Ông Trần Hồng Tài	37.996.643	25.687.566

3. Thông tin so sánh

3.1. Trình bày số liệu so sánh đầu năm

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính ngày 01 tháng 01 năm 2026 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC.

3.2. Áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán

a. Áp dụng chuẩn mực/chế độ/quy định kế toán mới

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC đối với Báo cáo tài chính của Công ty. Các thay đổi chủ yếu liên quan đến việc phân loại, trình bày và thuyết minh một số khoản mục trên Báo cáo tài chính. Việc áp dụng Thông tư này không làm phát sinh ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

b. Trình bày số liệu so sánh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số chỉ tiêu theo TT số 200/2014/TT-BTC	06 tháng đầu năm 2025	Mã số chỉ tiêu theo TT số 99/2025/TT-BTC	06 tháng đầu năm 2025 (Số trình bày lại)
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu hoạt động tài chính	21	202.410.246	22	202.410.246
Chi phí tài chính	22	66.328	23	66.328

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.2. Áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán(Tiếp theo)

b. Trình bày số liệu so sánh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số chỉ tiêu theo TT số 200/2014/TT-BTC	01/01/2026	Mã số chỉ tiêu theo TT số 99/2025/TT-BTC	01/01/2026 (Số trình bày lại)
Trên Báo cáo tình hình tài chính				
Phải thu ngắn hạn khác	136	61.197.876	135	27.197.876
Thuế GTGT được khấu trừ	152	16.254.736	162	16.254.736
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17.859.840	163	17.859.840
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	157.439.624.000	262	157.439.624.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	3.400.000.000	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	255	-	265	3.434.000.000
Phải trả người lao động	314	10.000.000	315	10.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	125.000.000	316	125.000.000
Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	421	(91.198.439.467)	420	(91.198.439.467)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(91.000.334.188)	420a	(91.000.334.188)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(198.105.279)	420b	(198.105.279)

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Minh Thuận

Đinh Thị Minh Thuận

Nguyễn Văn Bình